

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH QUẢNG NINH

Số: 03/2024/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

H, ngày 03 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35; điểm h khoản 2 Điều 39, khoản 2 Điều 149, Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 54, 55, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 291/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2023 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Vũ Nhật N, sinh năm 1979;

Địa chỉ: tổ 35, khu 4, phường K, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

- Chị Đỗ Thị N, sinh năm 1983;

Địa chỉ: tổ 35, khu 4, phường K, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: anh Vũ Nhật N và chị Đỗ Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 11/7/2005 tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố D, tỉnh Hải Dương (trước là Ủy ban nhân dân xã N, huyện S, tỉnh Hải Dương). Việc kết hôn của anh N và chị N là hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, anh N và chị N sống hòa thuận hạnh phúc cho đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách hai bên không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, cũng như trong sinh hoạt hàng ngày. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên cùng chính quyền địa phương hòa giải nhưng không có kết quả.

Nay anh N và chị N xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn, có tiếp tục chung sống cũng không đem lại hạnh phúc cho nhau, anh N và chị N cùng thống nhất đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn. Xét thấy, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh N và chị N là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, nên cần ghi nhận.

[2] Về con chung: anh Vũ Nhật N và chị Đỗ Thị N có 02 con chung là Vũ Thảo V, sinh ngày 08/01/2006 và Vũ Gia H, sinh ngày 22/12/2013. Hai bên thỏa thuận chị N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Gia H, anh N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Thảo V cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau, và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: anh Vũ Nhật N và chị Đỗ Thị N xác định không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: anh Vũ Nhật N và chị Đỗ Thị N tự nguyện nộp toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*).

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành lập ngày 26 tháng 12 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Vũ Nhật N và chị Đỗ Thị N.

- Về con chung: anh Vũ Nhật N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Thảo V, sinh ngày 08/01/2006, chị Đỗ Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Gia H, sinh ngày 22/12/2013 cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau, và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: anh Vũ Nhật N và chị Đỗ Thị N không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: anh Vũ Nhật N và chị Đỗ Thị N tự nguyện nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) lệ phí dân sự ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng lệ phí anh N đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0000299 ngày 07/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP H;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- UBND phường N,
TP D, tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS TP H;
- Lưu: HS; VP.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Văn Điền